

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 8 năm 2025
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lưu Văn Có

ông Phan Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Hồng Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 893/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Trần Thị H - sinh năm 1981

HKTT: thôn X1 - xã P - thành phố N - Khánh Hòa (nay là thôn X1 - phường Bắc N - Khánh Hòa).

Chỗ ở hiện nay: hẻm 296/02/12/16 đường C - xã N - thành phố N - Khánh Hòa (nay là hẻm 296/02/12/16 đường C - phường Tây N - Khánh Hòa); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Lê Quyết T - sinh năm 1979;

HKTT: tổ 5 thôn X1 - xã P - thành phố X1 - phường Bắc N - Khánh Hòa);
Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/8/2024 và bản tự khai ngày 27/11/2024, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: năm 2011, bà và ông Nguyễn Lê Quyết T tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ - thị xã H - Kiên Giang. Quá trình sống chung, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Đến nay, bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly

hôn với ông T. Về con chung: vợ chồng bà có hai con chung Nguyễn Lê Uyên N (sinh ngày 16/7/2002) và Nguyễn Đăng Q (sinh ngày 29/6/2011). Cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà không có yêu cầu gì. Sau khi ly hôn, bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung: không có.

Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H có đơn xin xét xử vắng mặt và bà giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T; được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: không có. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Khánh Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự trong vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn với ông T; được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không có. Bà H nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông T sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ - thị xã H - Kiên Giang (nay là phường H - An Giang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 25/7/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà H cho rằng quá trình sống chung, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông T là người nghiện ma túy, mỗi lần lên cơn nghiện ông thường đánh đập bà và các con. Điều này làm cho cuộc sống của bà và các con chịu nhiều áp lực và lo sợ, bà mong Tòa giải quyết ly hôn để mẹ con bà ổn định cuộc sống. Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông đều không đến Tòa. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[2] Con chung: bà H xác định bà và ông T có hai con chung là Nguyễn Lê Uyên N (sinh ngày 16/7/2002) và Nguyễn Đăng Q (sinh ngày 29/6/2011). Cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà không có yêu cầu gì. Nếu ly hôn, bà có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Q cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Đây là yêu cầu chính đáng của bà H và đề ổn định cuộc sống cả về vật chất và tinh thần cho

cháu Q nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Q cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung và nợ chung: bà H xác định không có.

[4] Về án phí: bà H nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Lê Quyết T.

Về con chung: Bà H, ông T có hai con chung Nguyễn Lê Uyển N (sinh ngày 16/7/2002) và Nguyễn Đăng Q (sinh ngày 29/6/2011). Cháu N đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Giao con chung Nguyễn Đăng Q cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà H, ông T đều có quyền thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Về án phí: bà Trần Thị H nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003055 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự tp. Nha Trang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Khánh Hòa). Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1 - Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường H - An Giang (UBND phường Đ
- thị xã H - Kiên Giang cũ) - (giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 25/7/2011);
- Các đương sự;
- Lưu.

Võ Thị Mai Phương